



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 2

LIST OF ACCREDITED TESTS (SECOND EXPANSION)

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm Delta Cropcare**

Laboratory: **Delta Cropcare Laboratory**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Delta Cropcare**

Organization: **Delta Cropcare Joint Stock company**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1526**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria: **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hoá học**

Field: **Chemical**

Người quản lý: **Đoàn Thị Ngọc Châu**

Laboratory manager: **Doan Thi Ngoc Chau**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày /01/2026 đến ngày 04/01/2027**

Địa chỉ: **Lô ME 9-2, Lô ME 10-2, Đường số 6, KCN Đức Hòa 1, Ấp 5, Xã Mỹ Hạnh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam**

Address: **Lot ME9-2, Lot ME10-2, Road 6, Duc Hoa Industrial Park 1, Hamlet 5, My Hanh Commune, Tay Ninh Province, Vietnam**

Địa điểm: **Lô ME 9-2, Lô ME 10-2, Đường số 6, KCN Đức Hòa 1, Ấp 5, Xã Mỹ Hạnh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam**

Location: **Lot ME9-2, Lot ME10-2, Road 6, Duc Hoa Industrial Park 1, Hamlet 5, My Hanh Commune, Tay Ninh Province, Vietnam**

Điện thoại/ Tel: **0772870689**

Email: **Chau99.doan@gmail.com**

Website:

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 2

LIST OF ACCREDITED TESTS (SECOND EXPANSION)

VILAS 1526

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Thuốc bảo vệ thực vật <i>Pesticides</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Azoxystrobin Phương pháp GC- FID <i>Determination of Azoxystrobin content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
2.		Xác định hàm lượng hoạt chất Bifenthrin Phương pháp GC- FID <i>Determination of Bifenthrin content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
3.		Xác định hàm lượng hoạt chất Boscalid Phương pháp GC- FID <i>Determination of Boscalid content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
4.		Xác định hàm lượng hoạt chất Buprofezin Phương pháp GC- FID <i>Determination of Buprofezin content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
5.		Xác định hàm lượng hoạt chất Butachlor Phương pháp GC- FID <i>Determination of Butachlor content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
6.		Xác định hàm lượng hoạt chất Chlorothalonil Phương pháp GC- FID <i>Determination of Chlorothalonil content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
7.		Xác định hàm lượng hoạt chất Cyhalofop-butyl Phương pháp GC- FID <i>Determination of Cyhalofop-butyl content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
8.		Xác định hàm lượng hoạt chất Cypermethrin Phương pháp GC- FID <i>Determination of Cypermethrin content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 2

LIST OF ACCREDITED TESTS (SECOND EXPANSION)

VILAS 1526

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
9.	Thuốc bảo vệ thực vật <i>Pesticides</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Cyproconazole Phương pháp GC- FID <i>Determination of Cyproconazole content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
10.		Xác định hàm lượng hoạt chất Difenoconazole Phương pháp GC- FID <i>Determination of Difenoconazole content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
11.		Xác định hàm lượng hoạt chất Dimethoate Phương pháp GC- FID <i>Determination of Dimethoate content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
12.		Xác định hàm lượng hoạt chất Etoxazole Phương pháp GC- FID <i>Determination of Etoxazole content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
13.		Xác định hàm lượng hoạt chất Fenclorim Phương pháp GC- FID <i>Determination of Fenpropathrin content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
14.		Xác định hàm lượng hoạt chất Fenobucarb Phương pháp GC- FID <i>Determination of Fenpropathrin content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
15.		Xác định hàm lượng hoạt chất Fenoxanil Phương pháp GC- FID <i>Determination of Fenoxanil content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
16.		Xác định hàm lượng hoạt chất Isoprothiolane Phương pháp GC- FID <i>Determination of Isoprothiolane content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
17.		Xác định hàm lượng hoạt chất Lambda Cyhalothrin Phương pháp GC- FID <i>Determination of Lambda Cyhalothrin content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 2

LIST OF ACCREDITED TESTS (SECOND EXPANSION)

VILAS 1526

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
18.	Thuốc bảo vệ thực vật <i>Pesticides</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Metaldehyde Phương pháp GC- FID <i>Determination of Metaldehyde content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
19.		Xác định hàm lượng hoạt chất Oxadiazon Phương pháp GC- FID <i>Determination of Oxadiazon content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
20.		Xác định hàm lượng hoạt chất Paclobutrazol Phương pháp GC- FID <i>Determination of Paclobutrazol content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
21.		Xác định hàm lượng hoạt chất Permethrin Phương pháp GC- FID <i>Determination of Permethrin content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
22.		Xác định hàm lượng hoạt chất Pretilachlor Phương pháp GC- FID <i>Determination of Pretilachlor content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
23.		Xác định hàm lượng hoạt chất Profenofos Phương pháp GC- FID <i>Determination of Profenofos content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
24.		Xác định hàm lượng hoạt chất Propanil Phương pháp GC- FID <i>Determination of Propanil content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
25.		Xác định hàm lượng hoạt chất Propiconazole Phương pháp GC- FID <i>Determination of Propiconazole content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
26.		Xác định hàm lượng hoạt chất Pyridaben Phương pháp GC- FID <i>Determination of Pyridaben content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 2*LIST OF ACCREDITED TESTS (SECOND EXPANSION)***VILAS 1526**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
27.	Thuốc bảo vệ thực vật <i>Pesticides</i>	Xác định hàm lượng hoạt chất Spirodiclofen Phương pháp GC- FID <i>Determination of Spirodiclofen content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
28.		Xác định hàm lượng hoạt chất Thiobencarb Phương pháp GC- FID <i>Determination of Thiobencarb content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
29.		Xác định hàm lượng hoạt chất Tebuconazole Phương pháp GC- FID <i>Determination of Tebuconazole content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
30.		Xác định hàm lượng hoạt chất Trifloxystrobin Phương pháp GC- FID <i>Determination of Paclobutrazol content. GC- FID method</i>	1%	(a) TCVN 14148:2024
31.		Xác định hàm lượng hoạt chất Fenpropathrin Phương pháp GC- FID <i>Determination of Fenpropathrin content. GC- FID method</i>	1%	(b) TCVN 14148:2024

Chú thích/Note:

- TCVN: tiêu chuẩn Việt Nam

- (a): cập nhật phương pháp thử trong quyết định công nhận số 133/QĐ-VPCNCL ngày 30 tháng 01 năm 2024/*update method in the list of accredited tests issued in the decision No 133/QĐ-VPCNCL dated 30/01/2024* và quyết định công nhận số 253/QĐ-VPCNCL ngày 05 tháng 02 năm 2025/*update method in the list of accredited tests issued in the decision No 253/QĐ-VPCNCL dated 05/02/2025*

- (b): phép thử mở rộng 01/2026/*expansion method at January 2026*

Trường hợp Công ty Cổ phần Delta Cropcare cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Delta Cropcare phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Delta Cropcare Joint Stock company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*